

Bản án số: 94/2024/DS-ST

Ngày: 18 - 7 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng

Mua bán điện

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Chiêu Hùng

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Huỳnh Văn Sen

Ông Triệu Khánh Long

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Hồng Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 447/2023/TLST- DS ngày 29 tháng 12 năm 2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Tổng Công ty Đ1. Địa chỉ: Số G, đường H, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Phước Đ. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh K. Chức vụ: Giám đốc Điện lực thị xã V. Địa chỉ: Số E đường số A, khu tập thể Đ, ấp H, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (Văn bản ủy quyền số 7590/GUQ-EVN SPC ngày 12/9/2023 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đ1). (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1971. Địa chỉ: Khóm B, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/9/2023 của nguyên đơn Tổng Công ty Đ1 cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của

nguyên đơn ông Nguyễn Thanh K trình bày: Ngày 14/02/2015 Tổng Công ty Đ1 (Đại diện là Điện lực thị xã V - Công ty Đ2) và bà Nguyễn Thị N có tiến hành ký kết hợp đồng mua bán điện số 15/006879 (Mã khách hàng PB17050009588). Trong quá trình thực hiện hợp đồng mua bán điện thì bà N sử dụng điện đúng mục đích, thanh toán đầy đủ tiền điện hàng tháng cho Điện lực thị xã V. Tuy nhiên, đến kỳ hóa đơn tháng 10 và tháng 11 năm 2022 thì bà N chưa thanh toán tổng cộng 02 hóa đơn số tiền là 4.539.087 đồng (trong đó hóa đơn tháng 10/2022 số tiền là 4.401.778 đồng; hóa đơn tháng 11/2022 số tiền là 137.309 đồng), phía Điện lực thị xã V đã nhiều lần liên hệ bà N nhưng vẫn chưa thu hồi được số tiền nợ nói trên, đồng thời Điện lực có tiến hành tạm ngừng cung cấp điện theo quy định, thu hồi công tơ nhưng bà N vẫn không thanh toán hóa đơn tiền điện còn nợ cho Điện lực thị xã V.

Nay tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Tổng Công ty Đ1 yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị N thanh toán toàn bộ số tiền điện còn nợ Điện lực thị xã V là 4.539.087 đồng (Bốn triệu, năm trăm ba mươi chín nghìn, không trăm tám mươi bảy đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Nguyễn Thị N, nhưng bà N không có văn bản gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty Đ1. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ bà N hai lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà N đều vắng mặt không có lý do, Tòa án đã ban hành thông báo cho bà N biết kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ. Đồng thời, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Bà N cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bà N vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Nguyễn Thị N đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà N.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa nguyên đơn Tổng Công ty Đ1 với bị đơn bà Nguyễn Thị N là tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán điện quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn có địa chỉ cư trú ở nhóm B,

phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Khi thụ lý Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án xét thấy quan hệ pháp luật tranh chấp là chưa chính xác, nên Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán điện” cho phù hợp với vụ án và theo quy định của pháp luật.

[4] Về nội dung vụ án: Ngày 14/02/2015 Tổng Công ty Đ1 (Đại diện là Điện lực thị xã V - Công ty Đ2) và bà Nguyễn Thị N có tiến hành ký kết hợp đồng mua bán điện số 15/006879 (Mã khách hàng PB17050009588). Trong quá trình thực hiện hợp đồng mua bán điện thì bà N chưa thanh toán hóa đơn tháng 10 và tháng 11 năm 2022 với số tiền là 4.539.087 đồng (trong đó hóa đơn tháng 10/2022 số tiền là 4.401.778 đồng; hóa đơn tháng 11/2022 số tiền là 137.309 đồng), Tòa án đã tổng đạt thông báo hợp lệ nhưng bị đơn vẫn không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nguyên đơn cung cấp hợp đồng mua bán điện và Hóa đơn giá trị gia tăng của tháng 10, tháng 11 do đó tình tiết nêu trên không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để Tòa án chấp nhận buộc bị đơn thanh toán số tiền còn nợ cho nguyên đơn.

[5] Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị N Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà N được biết về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tổng Công ty Đ1, nhưng bà N không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và nguyên đơn Tổng Công ty Đ1 có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng bà Nguyễn Thị N phải trả lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147; Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 430, Điều 433, Điều 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tổng Công ty Đ1 đối với bị đơn bà Nguyễn Thị N về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán điện”.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị N thanh toán cho nguyên đơn Tổng Công ty Đ1 TNHH số tiền điện chưa thanh toán là 4.539.087 đồng (bốn triệu năm trăm ba mươi chín nghìn không trăm tám mươi bảy đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và nguyên đơn Tổng Công ty Đ1 có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng bà Nguyễn Thị N phải trả lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Nguyên đơn Tổng Công ty Đ1 không phải chịu án phí, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003030 ngày 27/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Dương sự;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Lưu HSVA.

Dương Châu Hùng

